

Bản án số: 34/2024/DSST
Ngày 13-8-2024
V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thuận
2. Bà Phạm Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Trần Đức Tuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2023/TLST-DS, ngày 19 tháng 12 năm 2023, về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 07 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần N1**

Địa chỉ: **số B - B C, Phường D, Quận C, TP .**

Đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Ngô Phúc V** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị **Ngân hàng TMCP N1**.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Thái Hải T** – chức vụ: Giám đốc **Ngân hàng TMCP N1 Chi nhánh K1 – Phòng G**. (Theo Quyết định bổ nhiệm Nhân sự kiêm nhiệm 141B/2024/QĐ – NHNA – 02 ngày 31/5/2024 của Quyền Tổng giám đốc **Ngân hàng TMCP N1**).

Đại diện theo ủy quyền lại ông **Nguyễn Sĩ K**, sinh năm: 1991 – Chức vụ: Nhân viên hỗ trợ kinh doanh **Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh K1 – phòng G**.

(Có mặt tại phiên tòa)

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Quốc D** – sinh năm 1986

Chị **Huỳnh Thị T1** – sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.**

(Anh **D1**, chị **T1** vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền **Ngân hàng TMCP N1** ông **Thái Hải T** trình bày:

Vào ngày 26/5/2021, **Ngân hàng TMCP N1 – Phòng G** (sau đây gọi là “**N2**”) và anh **Nguyễn Quốc D**, chị **Huỳnh Thị T1** có ký hợp đồng tín dụng hạn mức số 0021/2021/615 – TD – CV (sau đây gọi là “Hợp đồng tín dụng”) để cấp tín dụng cho ông **Nguyễn Quốc D**, chị **Huỳnh Thị T1** với số tiền 2.500.000.000đ (Hai tỷ năm trăm triệu đồng).

Ngày 4/5/2023, **Ngân hàng TMCP N1 – Phòng G** (sau đây gọi là “**N2**”) và anh **Nguyễn Quốc D**, chị **Huỳnh Thị T1** có ký hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/SĐ – 0021/2021/615 – TD – CV (sau đây gọi là “Hợp đồng tín dụng”) để giảm hạn mức cấp tín dụng cho ông **Nguyễn Quốc D**, chị **Huỳnh Thị T1** với số tiền 2.080.000.000đ (Hai tỷ không trăm tám mươi triệu đồng). Ngày 15/5/2023 thì Ngân hàng cho anh **D**, chị **T1** vay số tiền 2.072.000.000đ thời hạn vay là 12 tháng.

Các khoản vay trên các bên thỏa thuận lãi suất là 14%/năm và 3 tháng điều chỉnh một lần ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 15/8/2023 điều chỉnh 15,7%/năm đến ngày 15/11/2023 điều chỉnh 13%/năm cho đến nay và thỏa thuận phạt chậm trả lãi là 10%/năm. Mục đích vay là bổ sung vốn vào sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi.

Ngày 4/6/2021 **Ngân hàng N2** và anh **Nguyễn Quốc D**, chị **Huỳnh Thị T1** có ký giao kết Giấy đề nghị Kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 0129/615 – CV (sau đây gọi tắt là “Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng”) để cấp thẻ tín dụng cho anh **Nguyễn Quốc D**, chị **Huỳnh Thị T1** với số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) nhưng anh **D**, chị **T1** không sử dụng.

Các khoản cấp tín dụng trên được bảo đảm bằng tài sản là Bất động sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Ông (bà) **Nguyễn Quốc D** theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0021/2021/615 – TD – BĐ ngày 26/5/2021; Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/SĐ – 0021/2021/615 – TD – BĐ ngày 4/5/2023, thông tin tài sản chi tiết như sau:

* Tài sản 01:

- Thửa đất số: 123, tờ bản đồ số 11 – 2, diện tích 420m², mục đích sử dụng: đất ở nông thôn, thời gian sử dụng: lâu dài, đất tọa lạc tại **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang**. Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà **Nguyễn Thị N**. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số AD 474187 do **UBND huyện T** cấp ngày 16/11/2005 mang tên ông **Nguyễn Quốc D**.

* Tài sản 02:

- Thửa đất số: 727, tờ bản đồ số 11, diện tích 4.380m², mục đích sử dụng: đất trồng lúa, thời gian sử dụng: tháng 7/2028, đất tọa lạc tại **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang**. Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, nhận quyền sử dụng đất từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số AP 255954 do **UBND huyện T** cấp ngày 22/7/2009 mang tên ông **Nguyễn Quốc D**.

* Tài sản 03:

- Thửa đất số: 276 +277, tờ bản đồ số 10, diện tích 42.096m², mục đích sử dụng: đất trồng lúa, thời gian sử dụng: tháng 7/2028, đất tọa lạc tại **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang**. Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số BB 917229 do **UBND huyện T** cấp ngày 10/9/2010 mang tên ông **Nguyễn Ngọc C** và được đánh biến động thừa kế qua cho ông **Nguyễn Quốc D** ngày 27/7/2016.

Đến nay **N3** đã giải ngân cho anh **Nguyễn Quốc D**, chị **Huỳnh Thị T1** theo giấy nhận nợ số 03/GNN – 0021/2021/615 – TD – CV ngày 15/5/2023

Theo quy định tại Hợp đồng tín dụng anh **Nguyễn Quốc D**, chị **Huỳnh Thị T1** có nghĩa vụ thanh toán nợ đúng hạn và đầy đủ cho **N3**. **N3** đã gửi Thông báo chuyển nợ quá hạn đến anh **Nguyễn Quốc D**, chị **Huỳnh Thị T1** đề nghị thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên anh **Nguyễn Quốc D**, chị **Huỳnh Thị T1** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho **N3** là vi phạm hợp đồng tín dụng.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền **Ngân hàng TMCP N1** yêu cầu Tòa án buộc anh **Nguyễn Quốc D**, chị **Huỳnh Thị T1** phải trả cho **Ngân hàng TMCP N1** một lần sau khi bản án có hiệu lực với tổng số tiền tạm tính đến ngày 13/8/2024 là 2.490.172.101đ. Trong đó: Nợ gốc: 2.072.000.000đ, Lãi quá hạn: 132.835.068đ, Lãi trong hạn: 267.235.344đ, Lãi phạt chậm trả lãi: 18.101.6896đ. Nếu anh **D**, chị **T1** không trả số tiền trên cho **N3** thì **N3** yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thế chấp trên.

Do bị đơn anh Nguyễn Quốc D, chị Huỳnh Thị T1 vắng mặt không có lý do nên không có bản tự khai và lời trình bày tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 và anh Nguyễn Quốc D, chị Huỳnh Thị T1 là tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”.

- Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp.

Bị đơn anh Nguyễn Quốc D, chị Huỳnh Thị T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa; nhưng tại phiên tòa hôm nay anh D, chị T1 vắng mặt không có lý do. Ngoài ra, tại phiên tòa người đại diện của Ngân hàng TMCP N1 yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D, chị T1. Do vậy, Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh Nguyễn Quốc D, chị Huỳnh Thị T1.

- Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[1] Xét thấy, Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0021/2021/615-TD-CV, ngày 26/05/2021 và hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/SĐ-0021/2021/615-TD-CV, ngày 04/5/2023 đã được các bên ký kết đúng theo quy định của pháp luật. Hợp đồng này có thời hạn hoàn tất hợp đồng. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất công nhận hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP N1 và anh Nguyễn Quốc D, chị Huỳnh Thị T1 là hợp pháp.

[2] Xét thấy, ngày 26/05/2021 giữa Ngân hàng TMCP N1 và anh Nguyễn Quốc D, chị Huỳnh Thị T1 có ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0021/2021/615-TD-CV, và hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/SĐ-0021/2021/615-TD-CV, ngày 04/5/2023 để vay số tiền 2.072.000.000đ. Trong quá trình vay, anh D, chị T1 không thực hiện việc trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP N1 là vi

phạm nghĩa vụ của bên vay được quy định trong hợp đồng. Do vậy, việc **Ngân hàng TMCP N1** yêu cầu anh **D**, chị **T1** phải thanh toán nợ cho Ngân hàng là có căn cứ.

Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ chứng minh, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì bị đơn anh **Nguyễn Quốc D**, chị **Huỳnh Thị T1** phải có trách nhiệm trả nợ cho **Ngân hàng TMCP N1** khi đến hạn.

[3] Về lãi suất: **Ngân hàng TMCP N1** yêu cầu tính lãi theo hợp đồng hai bên đã ký kết tạm tính đến ngày 13/8/2024 và lãi phát sinh đến khi thanh toán xong cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì khi hai bên ký kết các hợp đồng tín dụng có thỏa thuận về lãi suất; do đó, Ngân hàng yêu cầu anh **D**, chị **T1** phải chịu tiền lãi theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của **Ngân hàng TMCP N1:** Căn cứ theo quy định tại Điều 299, Điều 323, Điều 351 Bộ luật Dân sự năm 2015; điều 56, 58, 59 và 63 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm,

Xét thấy, Hợp đồng thế chấp tài sản số 0021/2021/615 – TD – BĐ ngày 26/5/2021; Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/SĐ – 0021/2021/615 – TD – BĐ ngày 4/5/2023 (là quyền sử dụng đất) giữa **Ngân hàng TMCP N1** với anh **D**, chị **T1**; Tài sản thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất của anh **D** được ký kết giữa **Ngân hàng TMCP N1** và anh **D**, chị **T1** đúng theo quy định của pháp luật; nên yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của **Ngân hàng TMCP N1** là có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy, sau khi án có hiệu lực pháp luật, trong trường hợp anh **D**, chị **T1** không trả nợ cho **Ngân hàng TMCP N1** thì **Ngân hàng TMCP N1** có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP N1**

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Yêu cầu của Ngân hàng TMCP N1 được chấp nhận nên Ngân hàng TMCP N1 không phải chịu án phí.

Anh Nguyễn Quốc D, chị Huỳnh Thị T1 phải nộp án phí trên số tiền 2.490.172.101đ là: $72.000.000đ + 9.803.442đ = 81.803.442đ$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 91, Điều 146, Điều 147, Điều 175, Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 299, Điều 323, Điều 351, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Căn cứ Điều 9, Điều 25 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N1 về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng đối với anh Nguyễn Quốc D, chị Huỳnh Thị T1.

2. Buộc anh Nguyễn Quốc D, chị Huỳnh Thị T1 phải trả cho Ngân hàng TMCP N1 số tiền tạm tính đến ngày 13/8/2024 là 2.490.172.101đ, trong đó: tiền nợ gốc là 2.072.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 267.235.344đ, tiền lãi quá hạn là 132.835.068đ, tiền phạt chậm trả lãi là 18.101.689đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0021/2021/615 – TD – CV, ngày 26/5/2021 và hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/SĐ – 0021/2021/615 – TD – CV, ngày 04/5/2023; Giấy

nhận nợ số: 03/GNN-0021/2021/615-TD-CV, ngày 15/5/2023 giữa Ngân hàng TMCP N1 và anh Nguyễn Quốc D, chị Huỳnh Thị T1.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu anh D, chị T1 không trả số nợ trên cho Ngân hàng TMCP N1 thì Ngân hàng TMCP N1 có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp tài sản 0021/2021/615 – TD – BĐ ngày 26/5/2021; Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/SĐ – 0021/2021/615 – TD – BĐ ngày 4/5/2023, giữa Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh K1 với anh Nguyễn Quốc D, chị Huỳnh Thị T1.

Trường hợp anh Nguyễn Quốc D, chị Huỳnh Thị T1 thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP N1 thì Ngân hàng TMCP N1 có trách nhiệm trả lại cho anh D, chị T1 bản chính Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất: Số AD 474187 do UBND huyện T cấp ngày 16/11/2005 mang tên anh Nguyễn Quốc D; Số AP 255954 do UBND huyện T cấp ngày 22/7/2009 mang tên anh Nguyễn Quốc D; Số BB 917229 do UBND huyện T cấp ngày 10/9/2010 mang tên ông Nguyễn Ngọc C và được đánh biến động thừa kế qua cho ông Nguyễn Quốc D ngày 27/7/2016.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Anh Nguyễn Quốc D, chị Huỳnh Thị T1 phải nộp số tiền là: $72.000.000đ + 9.803.442đ = 81.803.442đ$

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP N1 số tiền 38.079.000đ theo biên lai thu số 0003640, ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn anh Nguyễn Quốc D, chị Huỳnh Thị T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

Lê Minh Đạo